



CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

TÀI LIỆU

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021**

Kiên Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2021



KẾT CẤU TÀI LIỆU ĐẠI HỘI

PHẦN CHÍNH:

1. Chương trình nghị sự.
2. Hướng dẫn thể lệ biểu quyết.
3. Quy chế làm việc.
4. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
5. Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021, báo cáo của TV độc lập của HĐQT.
6. Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
7. Tờ trình số 1: Thông qua các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
8. Tờ trình số 2: Thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020.
9. Tờ trình số 3: Phân phối lợi nhuận, trích lập Quỹ năm 2020, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020.
10. Tờ trình số 4: Sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để nộp số tiền kê khai bổ sung Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2015-2019 (theo Thông báo số 1121/TB-CT, ngày 20/7/2020 của Cục thuế tỉnh Kiên Giang); Chi phí nghiên cứu phát triển của ban R&D năm 2019-2020.
11. Tờ trình số 5: Kế hoạch kinh doanh, kế hoạch lợi nhuận-cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2021; kế hoạch thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021, dự án đầu tư trong năm 2021.
12. Tờ trình số 6: Lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.
13. Tờ trình số 7: Ủy quyền ký kết các hợp đồng.
14. Tờ trình số 8: Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát.
15. Tờ trình số 9: Phương án xử lý đối với 2 chi Nhánh Giục Tượng và Biển xanh.
16. Tờ trình số 10: dời trụ sở chính của Công ty.
17. Dự thảo Nghị quyết Đại hội

PHẦN PHỤ LỤC:

1. Trích Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Kiên Hùng: Báo cáo kiểm toán độc lập, Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
2. Dự thảo Điều lệ năm 2021.
3. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty năm 2021.
4. Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021.
5. Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021.

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ

TT	Nội dung	Thời gian dự kiến
	Cổ đông thực hiện thủ tục đăng ký và nhận tài liệu, thẻ biểu quyết.	13h30 – 14h00
I	Nghi thức	14h00 – 14h20
1.	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và khách mời	
2.	Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.	
3.	Hướng dẫn nguyên tắc biểu quyết	
4.	Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa ĐH.	
5.	Đoàn Chủ tịch giới thiệu Danh sách đề cử: - Ban Thư ký - Ban Kiểm phiếu Biểu quyết thông qua.	
6.	Thông qua chương trình nghị sự	
7.	Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.	
II	Nội dung	14h20 – 17h00
1.	Đoàn Chủ tịch trình bày các báo cáo và tờ trình: 1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021. 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021, báo cáo của TV độc lập của HĐQT. 3. Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021. 4. Tờ trình số 1: Thông qua các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 5. Tờ trình số 2: Thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020. 6. Tờ trình số 3: Phân phối lợi nhuận, trích lập Quỹ năm 2020, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020. 7. Tờ trình số 4: Sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để nộp số tiền kê khai bổ sung Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2015-2019 (theo Thông báo số 1121/TB-CT, ngày 20/7/2020 của Cục thuế tỉnh Kiên Giang); Chi phí nghiên cứu phát triển của ban R&D năm 2019-2020.	

	8. Tờ trình số 5: Kế hoạch kinh doanh, kế hoạch lợi nhuận-cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2021; kế hoạch thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021, dự án đầu tư trong năm 2021. 9. Tờ trình số 6: Lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021. 10. Tờ trình số 7: Ủy quyền ký kết các hợp đồng. 11. Tờ trình số 8: Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát. 12. Tờ trình số 9: Phương án xử lý đối với 2 chi Nhánh Giục Tượng và Biển xanh. 13. Tờ trình số 10: dời trụ sở chính của Công ty.	
2.	Đoàn Chủ tịch điều hành Đại hội tiến hành thảo luận, biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình.	
3.	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	
III	Kết thúc	17h00 – 17h10
	Phát biểu bế mạc của Chủ tịch Hội đồng quản trị	
	Kết thúc Đại hội	

HƯỚNG DẪN THẺ LỆ BIỂU QUYẾT

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Kiên Hùng

Việc biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình và các nội dung họp của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Kiên Hùng theo nguyên tắc và thể lệ dưới đây:

Nguyên tắc:

Tất cả các vấn đề đã nêu trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết của tất cả các cổ đông có mặt tại Đại hội. Mỗi cổ đông sẽ được cấp một Thẻ biểu quyết tại bộ phận đăng ký khi làm thủ tục xác minh cổ đông. Trên Thẻ biểu quyết ghi mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.

Cách biểu quyết:

Theo yêu cầu và hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Đại hội, cổ đông biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) một vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết.

Cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết xem như không có ý kiến.

Cổ đông đi ra ngoài trong khi biểu quyết xem như đồng ý với nội dung biểu quyết.

Thể lệ biểu quyết:

Mỗi cổ phần sở hữu hoặc được ủy quyền ứng với một đơn vị biểu quyết.

Các vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; giao dịch mua, bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của công ty được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Các vấn đề khác được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Nguyên tắc thể lệ biểu quyết này có hiệu lực sau khi Đại hội thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRẦN QUỐC HÙNG

QUY CHẾ LÀM VIỆC

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Kiên Hùng

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kiên Hùng kính trình Đại hội Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Kiên Hùng như sau:

Điều 1: Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

Tất cả các vấn đề đã nêu trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết của tất cả các cổ đông có mặt tại Đại hội. Mỗi cổ đông sẽ được cấp một Thẻ biểu quyết tại bộ phận đăng ký khi làm thủ tục xác minh cổ đông. Trên Thẻ biểu quyết ghi tên cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.

Điều 2: Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Sau khi tiến hành biểu quyết xong các vấn đề được trình tại Đại hội, Chủ tọa Đại hội chủ trì phiên thảo luận, tiếp nhận ý kiến của các cổ đông và giải đáp thắc mắc theo cách thức như sau: Chủ tọa Đại hội chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình Đại hội và mang tính đại diện cho nhiều cổ đông.

Các câu hỏi về thông tin riêng lẻ, hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung Đại hội, hoặc không trả lời kịp trong Đại hội do thời gian có hạn, Quý cổ đông ghi lại trên giấy và chuyển cho Ban Thư ký tập hợp. Các câu hỏi này sẽ được trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Công ty Cổ phần Kiên Hùng sau khi Đại hội kết thúc.

Điều 3: Trách nhiệm của Đoàn Chủ tịch Đại hội

Đoàn Chủ tịch Đại hội do Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty làm Chủ tọa, có trách nhiệm:

Điều khiển Đại hội theo đúng chương trình nghị sự, quy chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua, làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan.

Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 4: Trách nhiệm của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu

Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm ba (03) người chịu trách nhiệm kiểm tra các điều kiện để tiến hành Đại hội và tư cách của cổ đông dự họp, báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự trước Đại hội.

Ban Thư ký gồm một (01) người do Đoàn Chủ tịch Đại hội giới thiệu và Đại hội đồng cổ đông thông qua, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về việc ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua; tiếp

nhận ý kiến đóng góp của các cổ đông; soạn thảo biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Ban kiểm phiếu gồm ba (03) người do Đoàn Chủ tịch Đại hội giới thiệu và Đại hội đồng cổ đông thông qua, chịu trách nhiệm xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội, kết quả bầu cử, tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả các nội dung biểu quyết, kết quả bầu cử một cách nhanh chóng cho Ban thư ký và báo cáo kết quả biểu quyết/bầu cử trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5: Trách nhiệm của Cổ đông

Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội cổ đông phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc này, nếu vi phạm Quy chế thì tùy theo mức độ mà Đoàn Chủ tịch xem xét và áp dụng biện pháp xử lý theo hướng dẫn tại điểm b, Khoản 7, Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

Điều 6: Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm sáu (06) điều và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

Trên đây là Quy chế làm việc tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Kiên Hùng, kính trình Đại hội thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRẦN QUỐC HÙNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020:

1. Thuận lợi:

- Mặc dù trong năm 2020 vừa qua được đánh giá là năm đặc biệt khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, nhà máy đông lạnh và bột cá vẫn duy trì hoạt động tốt bộ máy, dây chuyền sản xuất, duy trì ổn định các hệ thống, công cụ quản lý như ISO tích hợp, HACCP, HALAL đồng thời qua các đợt đánh giá Audit của các khách hàng trọng yếu, đáp ứng đầy đủ các điều kiện xuất khẩu vào thị trường JAPAN, EU, USA, SINGAPORE ...
- Hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị được duy tu bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo yêu cầu vệ sinh, an toàn thực phẩm - sản xuất bền vững và bảo vệ môi trường.
- Được các Khách hàng tiêu thụ, Đại lý cung cấp nguyên liệu tin tưởng và đánh giá cao trong mối quan hệ hợp tác mua bán 2 bên cùng có lợi, cùng đồng hành phát triển với Nhà máy.
- Đội ngũ Cán bộ chủ chốt nhiều kinh nghiệm, nhiệt huyết đồng thời cập nhật thường xuyên kiến thức mới nhằm đáp ứng tốt hơn trong công việc, giúp cho Nhà máy duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

2. Khó khăn:

- Tình hình nguyên liệu (kể cả trong nước và nhập khẩu) ngày càng cạn kiệt, giá cả cao, chất lượng giảm và phải thường xuyên cạnh tranh gay gắt với các đơn vị cùng ngành trong và ngoài tỉnh.
- Do lực lượng công nhân thiếu và yếu nên chỉ đảm bảo khoảng 60% công suất máy móc thiết bị ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD.
- Việc chưa gỡ được thẻ vàng của EU làm cho nguyên liệu càng khó khăn hơn.
- Dịch bệnh biến chủng mới của Covid-19 tái bùng phát trong năm 2020 tiếp tục làm ảnh hưởng đến toàn cầu. Do đó đã làm cho tình hình thị trường thế giới giảm sút nghiêm trọng, khách hàng chỉ ký các đơn hàng nhỏ lẻ dẫn đến hàng hóa tồn kho vẫn còn ở mức cao, chịu nhiều áp lực lãi vay, phí gửi kho, giảm giá ... tác động lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ năm 2020 so với 2019	Kế hoạch năm 2020 cty mẹ	Thực hiện năm 2020 Cty mẹ
Doanh thu thuần	1.129.592	1.183.844	104,80%	920.574	836.982
Lợi nhuận gộp	106.405	98.877	92,93%	84.005	80.579

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.828	14.031	50,42%	27.167	7.572
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.828	14.031	50,42%	27.167	7.572
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	26.294	19.061	72,49%		
Tỷ lệ LNST /DT thuần	2,46%	1,19%	48,11%	2,95%	0,90%

Ghi chú: Do cách trình bày của Báo cáo kiểm toán là hạch toán toàn bộ số dự phòng lỗ lũy kế của công ty con (Công ty TNHH Thủy Sản Aoki) vào kỳ báo cáo năm 2020, do đó Lợi nhuận sau thuế của Kiên Hùng chưa phân phối để lại dự phòng cho khoản Lỗ lũy kế của Công ty TNHH Thủy Sản Aoki đến 31/12/2019 là 11.993.101.277 đ (không ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế 2020 của Kiên Hùng)

Lợi nhuận sau thuế thực của Kiên Hùng năm 2020 :

$$24.350.265.313 - (16.778.202.059đ - 11.993.101.277) = 19.565.164.531 đ$$

2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 :

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Kiên Hùng và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 do Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS) thực hiện. (Phần phụ lục).

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 :

1. Dự báo tình hình kinh doanh năm 2021:

Căn cứ trên đánh giá tình hình thế giới và trong nước năm 2021 vẫn còn nhiều khó khăn, đặc biệt là ảnh hưởng dịch bệnh Covid19, tuy nhiên HĐQT phấn đấu đạt kế hoạch SXKD năm 2021 tăng trưởng khoảng 10% so với thực hiện 2020.

Về thị trường xuất khẩu:

- Thị trường Nhật: tiếp tục được xác định là thị trường chủ lực trong năm 2021.
- Thị trường EU: Sẽ tiếp tục chậm lại do việc áp dụng phạt thẻ vàng đối với Việt Nam (IUU) và ảnh hưởng dịch bệnh Covid19.
- Thị trường Mỹ : dự kiến vẫn còn ảnh hưởng do dịch bệnh Covid19 vẫn còn diễn biến phức tạp.
- Các Thị trường khác : tiếp tục tạo mạng lưới khách hàng mới đối với thị trường Hàn Quốc, Canada, Australia.
- Từng bước thâm nhập thị trường nội địa.

Về thị trường tiêu thụ hàng bột cá:

- Sự xuất hiện ngày càng nhiều nhà máy bột cá tại các tỉnh lân cận tạo nên sự cạnh tranh ở cả đầu vào và đầu ra.

- EU vẫn đang tiếp tục áp dụng phạt thẻ vàng đối với Việt nam (IUU) do ngư dân vẫn xâm phạm đánh bắt vùng biển các nước lân cận như Indonesia , Malaysia ... nên nguồn nguyên liệu vẫn tiếp tục hạn chế về sản lượng.

2. Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

Trước những dự báo như trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đặt ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau :

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ KH năm 2021 so với 2020	Thực hiện năm 2020 Cty mẹ	Kế hoạch 2021 Cty mẹ	Tỷ lệ KH năm 2021 so với 2020 công ty mẹ
Doanh thu thuần	1.183.844	1.302.228	110,00%	813.982	895.380	110,00%
Lợi nhuận gộp	98.877	108.765	110,00%	80.578	88.636	110,00%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.031	26.785	190,90%	24.350	26.785	110,00%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.031	26.785	190,90%	24.350	26.785	110,00%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	19.061	26.785	140,52%			
Tỷ lệ LNST /DT thuần	1,19%	2,06%	173,54%	2,99%	2,99%	100,00%

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021, công ty rất mong nhận được sự đóng góp của Quý cổ đông để bổ sung hoàn chỉnh kế hoạch và biện pháp thực hiện trong năm 2020.

Kiên Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN QUỐC DŨNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2020:

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo BCTC hợp nhất của Công ty mẹ giảm 27,51 % so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân:

Lợi nhuận riêng của công ty mẹ giảm 69.34% so với cùng kỳ năm 2019, Lợi nhuận sau thuế lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2020 đã công bố so với báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán có chênh lệch giảm 16.778.202.059 đ. Do cách trình bày của Báo cáo kiểm toán là hạch toán toàn bộ số dự phòng lỗ lũy kế của công ty con (Công ty TNHH Thủy Sản Aoki) vào kỳ báo cáo năm 2020, do đó:

- Lợi nhuận sau thuế của Kiên Hùng chưa phân phối để lại dự phòng cho khoản Lỗ lũy kế của Công ty TNHH Thủy Sản Aoki đến 31/12/2019 : 11.993.101.277 đ (không ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế 2020 của Kiên Hùng)
- Lợi nhuận sau thuế thực của Kiên Hùng năm 2020 : 24.350.265.313 - (16.778.202.059đ - 11.993.101.277) = 19.565.164.531 đ

Lợi nhuận Công ty con (Công ty TNHH thủy sản AOKI) lỗ so cùng kỳ (cùng kỳ có lãi).

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kiên Hùng hoạt động theo quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại Hội đồng cổ đông thông qua.

1. Tình hình thực hiện nghị quyết ĐHCĐ năm 2020:

***Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Kiên Hùng vào ngày 29/04/2020:**

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Kiên Hùng vào ngày 29/04/2020, các kế hoạch thực hiện trong năm 2020 bao gồm: Kế hoạch kinh doanh năm 2020, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch lợi nhuận – cổ tức năm 2020, các dự án đầu tư năm 2020.

Tình hình thực hiện các hoạt động được quyết định trong Nghị quyết như sau:

1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020:

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị ghi nhận kết quả theo các chỉ tiêu cơ bản sau :

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ năm 2020 so với 2019	Kế hoạch năm 2020 cty mẹ	Thực hiện năm 2020 Cty mẹ
Doanh thu thuần	1.129.592	1.183.844	104,80%	920.574	836.982
Lợi nhuận gộp	106.405	98.877	92,93%	84.005	80.579
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.828	14.031	50,42%	27.167	7.572
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.828	14.031	50,42%	27.167	7.572
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	26.294	19.061	72,49%		
Tỷ lệ LNST /DT thuần	2,46%	1,19%	48,11%	2,95%	0,90%

1.2. Phân phối lợi nhuận năm 2020:

1. Chia cổ tức năm 2020:

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020, kế hoạch chia cổ tức năm 2020 như sau :

- Hình thức : chia tiền mặt hoặc 50% bằng tiền mặt và 50% bằng cổ phiếu.
- Tỷ lệ chia : 12-20%

Ngày 01/03/2021 HĐQT đã họp và thống nhất tỷ lệ chia tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2020 là 12%, cụ thể như sau:

- Tỷ lệ tạm ứng cổ tức 2020: 12% (mỗi cổ phiếu được hưởng 1.200 đồng)
- Hình thức: tiền mặt
- Tổng số tiền: 14.509.162.800 đồng.
- Ngày đăng ký cuối cùng: 24/03/2021
- Ngày thực hiện: 05/04/2021

Các thủ tục đã được thực hiện đúng như kế hoạch. Thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, HĐQT kính trình Đại hội thông qua mức chia cổ tức chính thức của năm 2020 là 12% như báo cáo trên.

2. Tỷ lệ trích lập các quỹ:

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020, tỷ lệ trích lập các quỹ Khen thưởng phúc lợi 8 – 10% LNST, Quỹ cho hoạt động của Ban quản lý điều hành Công ty 1% LNST và còn lại cho Quỹ đầu tư phát triển. Căn cứ vào số tồn quỹ và nhu cầu sử dụng cũng như kết quả SXKD năm 2020, HĐQT thống nhất đề xuất số trích lập quỹ năm 2020 trình ĐHĐCĐ thông qua như sau:

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Cơ sở
Quỹ khen thưởng phúc lợi	8%	1.525	Lợi nhuận sau thuế
Quỹ cho hoạt động của Ban quản lý điều hành Công ty	1%	191	Lợi nhuận sau thuế
Cổ tức	12%	14.509	Lợi nhuận sau thuế
Thù lao HĐQT, BKS		156	Theo số thực tế đã tạm ứng
Quỹ đầu tư phát triển		2.680	Phần còn lại sau khi chi trả cổ tức và thù lao HĐQT, BKS.
Tổng cộng		19.061	

3. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý khác chi trong năm 2020:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÀNH TIỀN
1	Trần Quốc Hùng	Chủ tịch HĐQT & Phó Tổng Giám đốc	274.381.247
2	Trần Quốc Dũng	TV HĐQT & Tổng Giám đốc	608.270.044
3	Nguyễn Ngọc Anh	TV HĐQT & Phó Tổng Giám đốc	537.060.688
4	Dương Công Trịnh	TV HĐQT & GD ban R&D (đến tháng 09/2020)	491.438.015
5	Huỳnh Công Luận	TV HĐQT & GD Nhà máy Bột cá	622.689.472
6	Nguyễn Tấn Đạt	Phó GD phụ trách Tài chính & Kế toán trưởng	425.152.897
7	Thái Hoàng Long	TV HĐQT độc lập	36.000.000
8	Nguyễn Việt Dũng	TV HĐQT độc lập	36.000.000
9	Trương Tuyển Minh	Trưởng BKS	49.375.000
	Tổng Cộng		3.080.367.363

1.3. Các dự án đầu tư:

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, dự án nuôi tôm đã được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT nghiên cứu và lựa chọn thời điểm triển khai thích hợp và báo cáo với ĐHĐCĐ.

Theo đó, trong năm 2020 HĐQT đã nghiên cứu và lựa chọn hình thức nuôi tôm thâm canh bán nhà kính và đang triển khai đầu tư giai đoạn 1 với diện tích 12 ha gồm 20 bồn, thể tích 900m³/bồn.

Tổng vốn đầu tư: 45.163 triệu đồng.

Vốn đầu tư 31.040 triệu đồng.

Trong đó Quyền sử dụng đất 5.000 triệu đồng.

Vốn lưu động 14.123 triệu đồng.

Dự kiến thả nuôi từ tháng 5/2021.

2. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị:

Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị họp theo thông lệ và cụ thể hóa Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong Đại hội thường niên năm 2020 theo tiến trình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình của từng dự án. Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp theo định kỳ thông qua các vấn đề như hoạt động quản trị, giám sát, chiến lược, đầu tư dự án, thông qua các kế hoạch vay vốn, các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Các cuộc họp trong năm:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/20/NQ-HĐQT/KHS	11/03/2020	Thông qua: - Kết quả SXKD năm 2019 - Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019. - Kế hoạch SXKD năm 2020. - Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020. - Kế hoạch hoãn chuyển sànm niêm yết chứng khoán. - Kế hoạch tạm ứng cổ tức 2019. - Kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.	100%
02	02/20/NQ-HĐQT/KHS	11/03/2020	Thông qua việc mua sắm tài sản, cải tạo và sửa chữa máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất tại các nhà máy và việc cấp tín	100%

			dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Kiên Giang.	
03	03/20/NQ-HĐQT/KHS	14/04/2020	Thông qua ngày chính thức tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020.	100%
04	04/20/NQ-HĐQT/KHS	29/04/2020	Thông qua bầu thành viên HĐQT đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.	100%

Ghi chú: có 2 cuộc họp để xem xét tình hình sản xuất kinh doanh không ban hành Nghị quyết.

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty theo mục tiêu cao nhất là đem lại hiệu quả tốt nhất có thể cho Công ty. Các nội dung thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị về quản trị, giám sát, chiến lược, quản trị rủi ro, đầu tư dự án, ... đã được giải quyết. Toàn bộ các thành viên Hội đồng quản trị đều chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm của mình, làm tốt bốn phận, và có sự đóng góp chuyên nghiệp vào các quyết định chung của Hội đồng quản trị theo năng lực chuyên môn của từng người.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

HĐQT thực hiện giám sát Tổng Giám đốc thông qua các nội dung chính như sau:

- Công tác lập và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được HĐQT/ĐHĐCĐ phê duyệt;
- Công tác quản trị tài chính, chi phí và nguồn nhân lực;
- Triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.

HĐQT đã giám sát tính đầy đủ của các nội dung trên qua chương trình làm việc tại các cuộc họp HĐQT. Về tính hiệu lực, hiệu quả và phù hợp, HĐQT đã trao đổi, thảo luận với Tổng giám đốc và Ban Điều hành tại các cuộc họp HĐQT hàng quý; báo cáo tháng; qua trao đổi thư điện tử, điện thoại và gặp gỡ. Các vấn đề khó khăn vướng mắc đều được xác định và giải quyết triệt để và kịp thời.

HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS thực hiện giám sát và hỗ trợ Ban Điều hành nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát, tính phù hợp và tin cậy của Báo cáo tài chính cũng như quản trị doanh nghiệp. Những ý kiến đóng góp của BKS đều được xem xét và cân nhắc kỹ trong các quyết định của HĐQT.

HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng Nghị quyết/Biên bản sau mỗi kỳ họp về: các kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề có liên quan để Tổng Giám đốc triển khai.

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm 2020, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các Quy chế của Công ty.

Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc được giao, có năng lực, đạo đức nghề nghiệp và sự mẫn cán cần thiết để thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ. Sự phối hợp, tinh thần đoàn kết nội bộ của các cán bộ quản lý đã tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và gắn kết giúp Công ty hoàn thành các mục tiêu được giao.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021:

- Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kiên Hùng,
- Căn cứ vào tình hình thực tế và những dự báo về kinh tế trong tương lai,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua các kế hoạch sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

HĐQT thống nhất Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 để trình ĐHĐCĐ thường niên như sau:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ KH năm 2021 so với 2020	Thực hiện năm 2020 Cty mẹ	Kế hoạch 2021 Cty mẹ	Tỷ lệ KH năm 2021 so với 2020 công ty mẹ
Doanh thu thuần	1.183.844	1.302.228	110,00%	813.982	895.380	110,00%
Lợi nhuận gộp	98.877	108.765	110,00%	80.578	88.636	110,00%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.031	26.785	190,90%	24.350	26.785	110,00%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.031	26.785	190,90%	24.350	26.785	110,00%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	19.061	26.785	140,52%			
Tỷ lệ LNST /DT thuần	1,19%	2,06%	173,54%	2,99%	2,99%	100,00%

Đồng thời HĐQT trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào diễn biến thực tế của kinh tế trong và ngoài nước, các yếu tố tác động để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 trong trường hợp cần thiết.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận dự kiến cho năm 2021 :

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

Phân phối lợi nhuận 2021	Tỷ lệ/ số tiền	Ghi chú
1. Cổ tức	12% - 20%	Chi trả trên Lợi nhuận sau thuế
2. Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS	360 triệu đồng	
3. Trích lập các quỹ:		
3.1 Quỹ khen thưởng phúc lợi	8% - 10%	Chi trả trên Lợi nhuận sau thuế
3.2 Quỹ cho hoạt động của Ban quản lý điều hành công ty	1%	Chi trả trên Lợi nhuận sau thuế

3.3 Quỹ đầu tư phát triển		Phần còn lại sau khi phân phối lợi nhuận cho các khoản mục trên.
---------------------------	--	--

Trong đó:

Chia cổ tức năm 2021: Hình thức : chia tiền mặt hoặc 50% bằng tiền mặt và 50% bằng cổ phiếu
Hội đồng quản trị kính trình Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ, cách thức, cơ cấu và thời điểm chi trả cổ tức căn cứ trên kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2021.

Thù lao HĐQT, BKS năm 2021:

Kế hoạch trích thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021 chi tiết như sau:

STT	Chức vụ	Thù lao(1.000 đ/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	6.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	3.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	3.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát (không kiêm nhiệm)	2.000
5	Thành viên Ban Kiểm soát (có kiêm nhiệm)	1.000

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ và thời điểm chi trả thù lao cho HĐQT và BKS.

3. Hoạt động đầu tư trong năm 2021:

- ✓ Dự án nuôi tôm tiếp tục hoàn thành các hạng mục đầu tư phần cứng để đạt kế hoạch thả nuôi từ tháng 05/2021 và báo cáo hiệu quả sản xuất kinh doanh với ĐHĐCĐ vào Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị trong thời gian tới. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kiên Hùng trân trọng cảm ơn các ý kiến thảo luận của quý cổ đông để hoàn thiện kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021.

Kiên Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN QUỐC HÙNG

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Trong năm 2020, HĐQT có tất cả 07 thành viên, trong đó, có 02 thành viên độc lập. Toàn bộ thành viên HĐQT tham gia tích cực vào các hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ, phản biện chiến lược và đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty chuẩn mực.

Đồng thời, KHS cũng thực hiện việc bổ nhiệm tách biệt giữa TGD và Chủ tịch HĐQT, đảm bảo tính tuân thủ quy định về quản trị công ty.

1. Về việc tổ chức các cuộc họp HĐQT:

Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu chu đáo, theo đúng các nguyên tắc. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, phản biện, đánh giá đầy đủ và cẩn trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.

Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý... đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ giữa HĐQT và Ban TGD. Quá trình thực thi hoạt động của Công ty được diễn ra theo quy chế phân quyền rõ ràng, luôn được phân tích, nhận diện rủi ro một cách kịp thời nhằm đảm bảo sự ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật cũng như đạt được kế hoạch do HĐQT và ĐHCĐ thường niên đã đề ra.

Các đầu tư cho chiến lược mới đều được nghiên cứu độc lập, có cơ sở khoa học và phản biện trong HĐQT và với Ban TGD.

2. Về việc giám sát TGD và các thành viên khác trong Ban TGD:

Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban TGD, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ để đi đúng định hướng chiến lược và điều chỉnh các quyết định kịp thời khi thực tiễn yêu cầu.

Các thành viên HĐQT giữ các chức danh trong Ban TGD đã thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban TGD. Các quyết sách của Ban TGD được phân tích, phản biện và tham vấn từ HĐQT nhằm có các giải pháp tối ưu cho lợi ích của Công ty. Qua đó, HĐQT luôn nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty cũng như được cập nhật nhanh nhất các yêu cầu từ thực tế.

Các thành viên HĐQT nhận diện một cách chủ động vai trò, trách nhiệm hỗ trợ đối với Ban TGD và thực hiện nhiều buổi chia sẻ kinh nghiệm, tương tác và huấn luyện nghiệp vụ quản trị đối với Ban TGD và quản lý cấp trung.

HĐQT đặc biệt quan tâm đến các giải pháp quản trị rủi ro, nhằm hỗ trợ ban điều hành nhận diện sớm các vấn đề và giúp công ty duy trì tính bền vững, ổn định trong hoạt động, bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư.

3. Đánh giá chung hoạt động của HĐQT

Theo kế hoạch hoạt động của HĐQT, các công việc của HĐQT đã thực hiện trong năm 2020 tập trung đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra và tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế quản trị và các thông lệ chuẩn mực quản trị Công ty.

Tất cả thành viên HĐQT, có tinh thần trách nhiệm cao, có tính chuyên nghiệp, rõ ràng về trách nhiệm được phân công trong việc bảo vệ lợi ích của Công ty và cẩn trọng trong việc thực hiện vai trò của mình.

HĐQT đã đề xuất nhiều giải pháp hiệu quả, kịp thời để giúp Ban TGD vượt qua một số thách thức trong quá trình vận hành Công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát để đảm bảo tiêu chí tuân thủ pháp luật được Công ty tuyệt đối tôn trọng.

HĐQT đã lãnh đạo và quản lý Công ty hoàn thành các chỉ tiêu tăng trưởng và lợi nhuận của năm 2020, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, mang lại hiệu quả cao cho cổ đông và thu nhập ổn định cho người lao động

Kiên Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2021

Thành viên Độc lập HĐQT

Thành viên Độc lập HĐQT

HUỲNH THANH DŨNG

TRẦN VIỆT TRUNG

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kiên Hùng (sau đây gọi tắt là Công ty) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán phía nam – AASCS;
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2020;
- Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2020 của Công ty Cổ phần Kiên Hùng như sau:

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Về kết quả kinh doanh

Năm 2020 là năm rất khó khăn về thị trường các mặt hàng chế biến thủy sản, do ảnh hưởng của dịch Covid – 19, nhưng Công ty đã hoàn thành cơ bản chỉ tiêu doanh thu theo kế hoạch đã đề ra trong Nghị quyết (đạt 95,28%), tuy nhiên lợi nhuận và thu nhập trên mỗi cổ phần còn thấp so với kế hoạch đề ra (lợi nhuận sau thuế 45,84%, EPS là 56,04%).

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện/KH
1. Tổng doanh thu	1.242.551	1.183.843	95,28%
2. Lợi nhuận trước thuế	30.611	14.030	45,84%
3. Lợi nhuận sau thuế	30.611	14.030	45,84%
4. EPS	2.532	1.419	56,04%

2. Về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

a) Về hoạt động của Hội đồng Quản trị

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến các thành viên. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và điều lệ của công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT

ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; phối hợp cùng với Ban Điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu lợi nhuận.
- Các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

b) Kết quả hoạt động của Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc đã có sự phân công, phân nhiệm theo từng khối công việc trong Ban Điều hành vì vậy công việc được giải quyết kịp thời và hiệu quả.
- Qua kết quả kinh doanh năm 2020 cho thấy Tổng Giám đốc đã rất sâu sát trong việc điều hành Công ty như doanh thu về cơ bản đạt chỉ tiêu, tuy nhiên do tình hình chung của dịch Covid-19, nguồn nguyên liệu bị giảm sút nên đã phần nào ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.
- Tổng Giám đốc Công ty cùng với Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong điều hành thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, giúp Công ty duy trì lợi nhuận đạt ở mức cao, đảm bảo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.
- Về công tác tài chính kế toán: Ban điều hành mà đứng đầu là Tổng Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính 6 tháng, năm đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành. Đối với các khoản nợ, Tổng Giám đốc đã chỉ đạo ưu tiên thanh toán các khoản nợ đến hạn để giảm chi phí tài chính. Bên cạnh đó, mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, ngân hàng được tăng cường để đảm bảo hạn mức tín dụng về vốn lưu động, vay trung hạn, dài hạn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh 2020 và các năm tiếp theo;

II. VỀ HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty khi được mời.
- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty, cụ thể:
 - + Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành của công ty trong năm.
 - + Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.
 - + Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đối với HĐQT và Ban Điều hành.
 - + Thẩm tra các Báo cáo tài chính 6 tháng, năm 2020 nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán

và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra.

- Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:

- + Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị Công ty.

- + Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ về các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

- + Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ 6 tháng, năm.

2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

Thực hiện theo Nghị Quyết hàng năm tại Đại hội cổ đông thường niên, đảm bảo đủ chi phí cho quá trình hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2020

1. Nhận xét về báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành; Việc tổ chức ghi chép, lưu trữ chứng từ, lập sổ sách kế toán và báo cáo tài chính được thực hiện đúng theo thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014.
- Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày trung thực, chính xác tình hình tài chính đến ngày 31/12/2020, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành.
- Các Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán phía nam – AASCS là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.
- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Các Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.
- Sau khi xem xét, thẩm tra báo cáo, Ban kiểm soát hoàn toàn đồng ý với số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Ban kiểm soát xác định các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông năm 2020 là hoàn toàn trung thực và chính xác.

2. Nhận xét về tình hình tài chính:

a) Về tài sản và nguồn vốn:

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/Giảm	Tỷ lệ %
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	412.864.694.544	331.980.127.588	-80.884.566.956	-19,6%
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	20.426.594.511	31.125.878.336	10.699.283.825	52,4%
II	Đầu tư TC ngắn hạn				
III	Các khoản phải thu	99.184.155.673	71.215.324.795	-27.968.830.878	-28,2%
IV	Hàng tồn kho	269.420.512.665	220.733.765.102	-48.686.747.563	-18,1%
V	Tài sản ngắn hạn khác	23.833.431.695	8.905.159.355	-14.928.272.340	-62,6%
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	365.498.902.090	339.114.527.580	-26.384.374.510	-7,2%
I	Các khoản phải thu dài hạn				
II	Tài sản cố định	332.784.913.500	310.170.662.077	-22.614.251.423	-6,8%
III	Tài sản dở dang dài hạn	5.240.047.102	848.236.850	-4.391.810.252	-83,8%
IV	Đầu tư tài chính dài hạn	5.200.000.000	6.200.000.000	1.000.000.000	19,2%
V	Tài sản khác	22.273.941.488	21.895.628.653	-378.312.835	-1,7%
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	778.363.596.634	671.094.655.168	-107.268.941.466	-13,8%
A	NỢ PHẢI TRẢ	568.346.432.203	468.231.498.402	-100.114.933.801	-17,6%
I	Nợ ngắn hạn	409.189.300.044	321.322.027.427	-87.867.272.617	-21,5%
II	Nợ dài hạn	159.157.132.159	146.909.470.975	-12.247.661.184	-7,7%
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	210.017.164.431	202.863.156.766	-7.154.007.665	-3,4%
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	778.363.596.634	671.094.655.168	-107.268.941.466	-13,8%

- Về tài sản: Tổng tài sản của công ty năm 2020 giảm so với năm 2019 là 107.268.941.466 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 13,8%, trong đó tài sản ngắn hạn giảm 19,6% và tài sản dài hạn giảm 7,2%. Tài sản ngắn hạn nhìn chung tăng nhiều ở khoản mục Tiền, các khoản tương đương tiền (Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 10.699.283.825 đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 52,4%); khoản mục hàng

tồn kho và các khoản phải thu giảm mạnh, lý do cuối năm các mặt hàng thủy sản ở các nước có nhu cầu lớn và công ty thực hiện tốt việc thu hồi công nợ. Về tài sản dài hạn giảm so với năm 2019 là 26.384.374.510 đồng, tương ứng giảm 7,2%, trong đó chủ yếu là giảm do công ty trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản ngắn hạn giảm, nhưng doanh thu vẫn tăng chứng tỏ vòng quay vốn lưu động của công ty tăng, hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Công ty đang phát huy hiệu quả.

- **Về nguồn vốn:** Năm 2020 tỷ lệ nợ của công ty là 70%, vốn chủ sở hữu là 30%. Tỷ lệ nợ có phần giảm so với năm 2019. Tổng nợ năm 2020 giảm so với năm 2019 là 100.114.933.801 đồng, tương ứng với tỷ lệ giảm 17,6%, trong đó nợ ngắn hạn giảm 21,5%, nợ dài hạn giảm 7,7%. Nguyên nhân do Công ty đã hoàn thành các hạng mục xây dựng cơ bản và không phát sinh thêm các khoản nợ mới, Công ty đang trong thời kỳ trích lập quỹ khấu hao để thanh toán các khoản nợ dài hạn do đó nợ công ty sẽ có xu hướng giảm trong thời gian tới.

b) Về kết quả kinh doanh

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/Giảm	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	1.129.591.920.482	1.183.843.643.838	54.251.723.356	4,8%
2	Giá vốn hàng bán	1.023.186.635.739	1.084.967.024.330	61.780.388.591	6,0%
3	Doanh thu tài chính	2.341.390.560	3.579.852.786	1.238.462.226	52,9%
4	LN thuần từ HĐKD	27.818.535.677	15.313.042.455	-12.505.493.222	-45,0%
5	Thu nhập khác	21.875.186	67.433.250	45.558.064	208,3%
6	Tổng LN trước thuế	27.827.896.664	14.030.762.028	-13.797.134.636	-49,6%
7	Tổng LN sau thuế	27.827.896.664	14.030.762.028	-13.797.134.636	-49,6%
8	Thu nhập mỗi cổ phiếu	2.087	1.419	-668	-32,0%

Về kết quả kinh doanh: Năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, ngành thủy sản gặp nhiều khó khăn, nguồn nguyên liệu bị giảm sút, Tuy nhiên cùng với sự cố gắng của Ban Quản trị và Ban Điều hành đã mang về cho công ty một khoản doanh thu là 1.183.843.643.838 đồng, tương đương tăng 4,8% so với năm 2019. Lợi nhuận sau thuế là 14.030.762.028 đồng, tương ứng giảm 49,6% so với năm 2019. Điều này chủ yếu là do giá vốn tăng 6% so với năm 2019.

c) Đánh giá về một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty:

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
I	KHẢ NĂNG THANH TOÁN		
1	Khả năng thanh toán ngắn hạn	1,01	1,03
2	Khả năng thanh toán nhanh	0,35	0,35
II	CƠ CẤU VỐN VÀ KHẢ NĂNG TỰ TÀI TRỢ		
1	Hệ số nợ so với nguồn vốn chủ sở hữu	2,71	2,31

2	Hệ số nợ so với tài sản	0,73	0,70
3	Hệ số tài sản dài hạn trên vốn chủ sở hữu	1,74	1,67
III	HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN VÀ SINH LỜI		
1	Hiệu quả sử dụng tài sản	1,63	1,86
2	Vòng quay hàng tồn kho	4,50	5,34
3	Kỳ thu tiền bình quân	34,47	28,62
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu (ROS)	0,02	0,01
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	0,13	0,07
6	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	0,04	0,02

+ Về khả năng thanh toán: Hiện tại khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty là $1,03 > 1$, công ty vẫn có thể đảm bảo tốt các khoản nợ phải trả, hệ số khả năng thanh toán nhanh là 0,35. Qua tính toán các chỉ số khả năng thanh toán cho thấy công ty vẫn còn nằm trong mức độ an toàn về thanh khoản và có phần cải thiện so với năm trước.

+ Về cơ cấu nguồn vốn: Hệ số nợ của công ty là 70%. Hiện tại lãi suất cho vay của ngân hàng ổn định ở mức vừa phải và công ty hiện đang có nhiều cơ hội kinh doanh tốt, do đó công ty biết khai thác nguồn vốn này để tăng thu nhập cho cổ đông là thành quả rất lớn của Ban quản trị và Ban điều hành.

+ Về hiệu quả sử dụng vốn: Năm 2020 là năm công ty gặp nhiều khó khăn các chỉ tiêu về hiệu quả như ROS, ROA và ROE giảm so với năm 2019 nhưng vẫn còn cao so với mặt bằng chung. Cụ thể: ROA = 2,63%, ROS = 1,18%, tỷ lệ ROE = 9,26%, đây là điều mà các cổ đông rất mong muốn.

IV. ĐÁNH GIÁ VỀ GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON

Hiện tại công ty chỉ có 1 công ty con duy nhất là Công ty TNHH thủy sản AOKI, tổ chức kế toán của công ty này được hạch toán độc lập và được hợp nhất vào công ty mẹ theo đúng quy định.

V. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC

- Qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 cho thấy Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã rất sâu sát trong quản lý điều hành hoạt động của Công ty nhằm đạt kết quả đề ra; tuy nhiên do ảnh hưởng khách quan của dịch Covid-19, tình hình thị trường nên lợi nhuận năm 2020 giảm so với năm 2019.
- Các quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đều tuân thủ Pháp luật và quy định của Công ty;
- Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc luôn hỗ trợ Ban kiểm soát về cung cấp thông tin các cuộc họp, tài liệu thu thập, giúp Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

V. CÁC KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch của công ty và các chỉ tiêu kế hoạch đã giao đối với các đơn vị trực thuộc.

2. Chặt chẽ hóa việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành để phát huy được hết chức năng của Ban kiểm soát nhằm giảm tối đa rủi ro cho Công ty, tăng lợi nhuận và bảo vệ tối đa quyền lợi của cổ đông.

3. Xét Thấy Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía nam – AASCS là đơn vị kiểm toán có uy tín được UBCK Nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, đề nghị Đại Hội xem xét lựa chọn để kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong năm 2021.

**THAY MẶT BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

TRƯƠNG TUYẾN MINH

TỜ TRÌNH

Về báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát trong Đại hội cổ đông thường niên năm 2021

Số: **01/TTr-ĐHTN21/KHS**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kiên Hùng;
- Căn cứ báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát trong Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kiên Hùng trình Đại hội thông qua các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát trong Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.
Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kiên Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN QUỐC HÙNG

TỜ TRÌNH

Về Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

Số: **02/TTr-ĐHTN21/KHS**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kiên Hùng trình Đại hội thông qua Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Kiên Hùng và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 do Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS) thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kiên Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN QUỐC HÙNG

TỜ TRÌNH

Về Phân phối lợi nhuận, trích lập Quỹ năm 2020, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020, các dự án đầu tư năm 2020.

Số: **03/TTr-ĐHTN21/KHS**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.
- Căn cứ báo cáo của Hội đồng quản trị trong Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

1. Phân phối lợi nhuận, trích lập Quỹ năm 2020, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kiên Hùng trình Đại hội thông qua báo cáo về Phân phối lợi nhuận, trích lập Quỹ năm 2020, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 như sau:

1. Chia cổ tức năm 2020:

- Tỷ lệ tạm ứng cổ tức 2020: 12% (mỗi cổ phiếu được hưởng 1.200 đồng)
- Hình thức: tiền mặt
- Tổng số tiền: 14.509.162.800 đồng.
- Ngày đăng ký cuối cùng: 24/03/2021
- Ngày thực hiện: 05/04/2021

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua mức chia cổ tức chính thức của năm 2020 là 12% như trên.

2. Tỷ lệ trích lập các quỹ:

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua số trích lập quỹ năm 2020 như sau:

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Cơ sở
Quỹ khen thưởng phúc lợi	8%	1.525	Lợi nhuận sau thuế
Quỹ cho hoạt động của Ban quản lý điều hành Công ty	1%	191	Lợi nhuận sau thuế
Cổ tức	12%	14.509	Lợi nhuận sau thuế
Thù lao HĐQT, BKS		156	Theo số thực tế đã tạm ứng
Quỹ đầu tư phát triển		2.680	Phần còn lại sau khi chi trả cổ tức và thù lao HĐQT, BKS.
Tổng cộng		19.061	

3. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý năm 2020:

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ chấp thuận mức thù lao cho HĐQT, BKS và các cán bộ quản lý được chi cho năm 2020 theo bảng sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÀNH TIỀN
1	Trần Quốc Hùng	Chủ tịch HĐQT & Phó Tổng Giám đốc	274.381.247
2	Trần Quốc Dũng	TV HĐQT & Tổng Giám đốc	608.270.044
3	Nguyễn Ngọc Anh	TV HĐQT & Phó Tổng Giám đốc	537.060.688
4	Dương Công Trịnh	TV HĐQT & GD ban R&D (đến tháng 09/2020)	491.438.015
5	Huỳnh Công Luận	TV HĐQT & GD Nhà máy Bột cá	622.689.472
6	Nguyễn Tấn Đạt	Phó GD phụ trách Tài chính & Kế toán trưởng	425.152.897
7	Thái Hoàng Long	TV HĐQT độc lập	36.000.000
8	Nguyễn Việt Dũng	TV HĐQT độc lập	36.000.000
9	Trương Tuyển Minh	Trưởng BKS	49.375.000
	Tổng Cộng		3.080.367.363

2. Các dự án đầu tư:

Dự án nuôi tôm: hình thức nuôi tôm thâm canh bán nhà kính và đang triển khai đầu tư giai đoạn 1 với diện tích 12 ha gồm 20 bồn, thể tích 900m³/bồn. Dự kiến bắt đầu thả nuôi vào tháng 05/2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kiên Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN QUỐC HÙNG

TỜ TRÌNH

Về Sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để nộp số tiền kê khai bổ sung Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2015-2019 (theo Thông báo số 1121/TB-CT, ngày 20/7/2020 của Cục thuế tỉnh Kiên Giang); Chi phí nghiên cứu phát triển của ban R&D năm 2019-2020.

Số: **04/TTr-ĐHTN21/KHS**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.
- Căn cứ Thông báo số 1121/TB-CT ngày 20/07/2020 do Cục Thuế tỉnh Kiên Giang gửi.

1. Sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để nộp số tiền kê khai bổ sung Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2015-2019 (theo Thông báo số 1121/TB-CT, ngày 20/7/2020 của Cục thuế tỉnh Kiên Giang):

Ngày 20/07/2020 Cục Thuế tỉnh Kiên Giang gửi Thông báo số 1121/TB-CT cho Công ty thông báo quy định về trường hợp mua nguyên liệu thủy sản sau đó chế biến thông thường (chưa chế biến thành sản phẩm khác so với nguyên liệu đầu vào) rồi đem bán thì thu nhập từ hoạt động này không phải là thu nhập từ hoạt động chế biến thủy sản và yêu cầu doanh nghiệp điều chỉnh, bổ sung tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp từ kỳ tính thuế 2015. Theo đó số tiền kê khai bổ sung Thuế Thu nhập doanh nghiệp theo yêu cầu từ năm 2015 đến 2019 là 1.558.981.199 đồng.

Hàng năm sau khi phân phối lợi nhuận, Công ty đã bổ sung phần còn lại của lợi nhuận vào Quỹ đầu tư phát triển từ năm 2015 – 2019 số tiền 41.943.131.140 đồng. Nay để nộp bổ sung số tiền thuế nói trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông cho sử dụng nguồn Quỹ Đầu tư phát triển để nộp bổ sung khoản này và ủy quyền và giao cho Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kiên Hùng triển khai thực hiện.

2. Chi phí nghiên cứu phát triển của ban R&D năm 2019-2020:

Trong cuộc họp Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Kiên Hùng ngày 12/09/2020 đã thông qua việc giải thể Ban R&D. Xét chi phí của Ban R&D đến ngày 31/08/2020 là 919.164.769 đồng. Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông giải quyết như sau:

1. Công cụ dụng cụ kiểm kê bàn giao cho Nhà máy Thạnh Lộc quản lý và sử dụng theo quy định quản lý công cụ dụng cụ của Công ty: 96.074.090 đồng.

2. Số tiền còn lại 823.090.679 đồng: sử dụng Quỹ đầu tư phát triển của Công ty để tất toán khoản chi phí này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kiên Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN QUỐC HÙNG

TỜ TRÌNH

Về kế hoạch kinh doanh, kế hoạch lợi nhuận-cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2021; kế hoạch thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021, dự án đầu tư trong năm 2021.

Số: **05/TTr-ĐHTN21/KHS**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.
- Căn cứ báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị trong Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kiên Hùng trình Đại hội thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2021, phân phối lợi nhuận năm 2021, kế hoạch thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021, các dự án đầu tư năm 2021 như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ KH năm 2021 so với 2020	Thực hiện năm 2020 Cty mẹ	Kế hoạch 2021 Cty mẹ	Tỷ lệ KH năm 2021 so với 2020 công ty mẹ
Doanh thu thuần	1.183.844	1.302.228	110,00%	813.982	895.380	110,00%
Lợi nhuận gộp	98.877	108.765	110,00%	80.578	88.636	110,00%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.031	26.785	190,90%	24.350	26.785	110,00%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.031	26.785	190,90%	24.350	26.785	110,00%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	19.061	26.785	140,52%			
Tỷ lệ LNST /DT thuần	1,19%	2,06%	173,54%	2,99%	2,99%	100,00%

2. Kế hoạch lợi nhuận cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2021:

Phân phối lợi nhuận 2021	Tỷ lệ/ số tiền	Ghi chú
4. Cổ tức	12% - 20%	Chi trả trên Lợi nhuận sau thuế
5. Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS	360 triệu đồng	
6. Trích lập các quỹ:		
6.1 Quỹ khen thưởng phúc lợi	8% - 10%	Chi trả trên Lợi nhuận sau thuế

6.2 Quỹ cho hoạt động của Ban quản lý điều hành công ty	1%	Chi trả trên Lợi nhuận sau thuế
6.3 Quỹ đầu tư phát triển		Phần còn lại sau khi phân phối lợi nhuận cho các khoản mục trên.

Trong đó:

Chia cổ tức năm 2021: Hình thức : chia tiền mặt hoặc 50% bằng tiền mặt và 50% bằng cổ phiếu
Hội đồng quản trị kính trình Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ, cách thức, cơ cấu và thời điểm chi trả cổ tức căn cứ trên kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2021.

3. Thù lao HĐQT, BKS năm 2021:

STT	Chức vụ	Thù lao(1.000 đ/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	6.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	3.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	3.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát (không kiêm nhiệm)	2.000
5	Thành viên Ban Kiểm soát (có kiêm nhiệm)	1.000

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ và thời điểm chi trả thù lao cho HĐQT và BKS.

4. Kế hoạch các dự án trong năm 2021:

- ✓ Dự án nuôi tôm tiếp tục hoàn thành các hạng mục đầu tư phần cứng để đạt kế hoạch thả nuôi từ tháng 05/2021 và báo cáo hiệu quả sản xuất kinh doanh với ĐHĐCĐ vào Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kiên Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN QUỐC HÙNG

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Số: **06/TTr-ĐHTN21/KHS**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kiên Hùng trình Đại hội về Công ty kiểm toán dự kiến lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty năm 2021:

Tên Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCS).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kiên Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2021

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

TRƯƠNG TUYẾN MINH

TỜ TRÌNH

Về việc ủy quyền ký kết các Hợp đồng

Số: **07/TTr-ĐHTN21/KHS**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kiên Hùng kính trình Đại hội chấp thuận việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và thông qua việc ký kết các hợp đồng, giao dịch mua, bán, vay, cho vay, L/C, bảo lãnh ngân hàng, thuê, cho thuê tài sản, và các hợp đồng khác có giá trị dưới 70% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; ngoại trừ hợp đồng và giao dịch được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kiên Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

TRẦN QUỐC HÙNG

TỜ TRÌNH

Thông qua Điều lệ năm 2021, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Số: **08/TTr-ĐHTN21/KHS**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/21/NQ-HĐQT/KHS của Công ty Cổ phần Kiên Hùng ngày 01 tháng 03 năm 2021;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kiên Hùng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua các tài liệu dự thảo đã được đính kèm Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

1. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kiên Hùng năm 2021.
2. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty năm 2021.
3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021.
4. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và chấp thuận phê duyệt ban hành.

Kiên Giang, ngày 29 tháng 04 năm 2020

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN QUỐC HÙNG

TỜ TRÌNH

Thông qua Phương án xử lý đối với hai Chi nhánh Nhà máy Giục Tượng và Nhà máy Biển xanh

Số: **09/TTr-ĐHTN21/KHS**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.
- Căn cứ nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/21/NQ-HĐQT/KHS của Công ty Cổ phần Kiên Hùng ngày 01 tháng 03 năm 2021;

Trong tình hình dịch bệnh còn nhiều diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến đầu ra của hàng đông lạnh và bột cá, nguyên liệu cho bột cá tại Lệnh Huỳnh không được cải thiện tại Nhà máy Biển Xanh và thiếu thốn về nhân sự quản lý cho Nhà máy Giục Tượng, dẫn đến thua lỗ kéo dài, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông cho đóng cửa hai Chi nhánh trong năm 2021.

Trong thời gian đến ngày chính thức đóng cửa, Công ty sẽ tiến hành sắp xếp nhân sự, lập phương án xử lý tài sản, xử lý nội bộ,... sau khi hoàn thành sẽ ra Quyết định đóng cửa chính thức.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kiên Hùng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc chọn thời điểm ra quyết định về việc đóng cửa các Chi nhánh và thực hiện các thủ tục liên quan.

Kiên Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN QUỐC HÙNG

TỜ TRÌNH

Thông qua việc dời trụ sở chính của Công ty Cổ phần Kiên Hùng

Số: **10/TTr-ĐHTN21/KHS**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.
- Căn cứ nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/21/NQ-HĐQT/KHS của Công ty Cổ phần Kiên Hùng ngày 01 tháng 03 năm 2021;

HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông chuyển đổi trụ sở chính của Công ty Cổ phần Kiên Hùng sang địa chỉ mới trong năm 2021 như sau:

Địa chỉ hiện tại: 14A ấp Tân Điền, xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ mới: Lô B4-B5 đường số 1, Khu Công nghiệp Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục liên quan.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kiên Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN QUỐC HÙNG

NGHỊ QUYẾT (DỰ THẢO)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Số: **01/21/NQ-ĐHĐCĐ/KHS**
Ngày: **24/04/2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.
- Căn cứ vào Biên bản cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/21/BB-ĐHĐCĐ/KHS của Công ty Cổ phần Kiên Hùng ngày 24 tháng 04 năm 2021.

Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Kiên Hùng được tiến hành lúc 14 giờ 00 phút ngày 27/04/2019, tại Sảnh hội nghị Sapphire - Khách Sạn - Nhà hàng Sài Gòn Rạch Giá ở Số 844 Nguyễn Trung Trực, P. An Hòa, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang trên cơ sở như sau:

- Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành là: 12.090.969 (mười hai triệu không trăm chín mươi ngàn chín trăm sáu mươi chín) cổ phần do 182 (một trăm tám mươi hai) cổ đông sở hữu theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 371/2021-KHS/VSD-ĐK ngày 26/03/2021 do Trung tâm lưu ký chứng khoán lập;
- Số cổ đông tham dự đại hội ngày 24/04/2021 là người, là chủ sở hữu và đại diện ủy quyền hợp pháp cho (.....), chiếm tỷ lệ% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Tờ trình số 01/TTr-ĐHTN21/KHS ngày 24/04/2021 về các Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

Đại hội thống nhất thông qua các nội dung đã được trình bày trong:

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và trình Đại hội kế hoạch năm 2021.
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.
3. Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ... %, không tán thành là ...%, không có ý kiến là ...%

Điều 2: Thông qua Tờ trình số 02/TTr-ĐHTN21/KHS ngày 24/04/2021 về báo cáo tài chính năm 2020

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Kiên Hùng và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2020 do Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS) thực hiện.

Với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ... %, không tán thành là ...%, không có ý kiến là ...%

Điều 3: Thông qua Tờ trình số 03/TTr-ĐHTN21/KHS ngày 24/04/2020 về Phân phối lợi nhuận, trích lập Quỹ năm 2019, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019, dự án đầu tư nuôi tôm:

Đại Hội nhất trí thông qua:

1. Chia cổ tức năm 2020:

- Tỷ lệ cổ tức 2019: 12% (mỗi cổ phiếu được hưởng 1.200 đồng)
- Hình thức: tiền mặt
- Tổng số tiền: 14.509.162.800 đồng.
- Ngày đăng ký cuối cùng: 24/03/2021
- Ngày thực hiện: 05/04/2021

2. Tỷ lệ trích lập các quỹ:

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Cơ sở
Quỹ khen thưởng phúc lợi	8%	1.525	Lợi nhuận sau thuế
Quỹ cho hoạt động của Ban quản lý điều hành Công ty	1%	191	Lợi nhuận sau thuế
Cổ tức	12%	14.509	Lợi nhuận sau thuế
Thù lao HĐQT, BKS		156	Theo số thực tế đã tạm ứng
Quỹ đầu tư phát triển		2.680	Phần còn lại sau khi chi trả cổ tức và thù lao HĐQT, BKS.
Tổng cộng		19.061	

3. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý năm 2020:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÀNH TIỀN
1	Trần Quốc Hùng	Chủ tịch HĐQT & Phó Tổng Giám đốc	274.381.247
2	Trần Quốc Dũng	TV HĐQT & Tổng Giám đốc	608.270.044
3	Nguyễn Ngọc Anh	TV HĐQT & Phó Tổng Giám đốc	537.060.688

4	Dương Công Trịnh	TV HĐQT & GD ban R&D (đến tháng 09/2020)	491.438.015
5	Huỳnh Công Luận	TV HĐQT & GD Nhà máy Bột cá	622.689.472
6	Nguyễn Tấn Đạt	Phó GD phụ trách Tài chính & Kế toán trưởng	425.152.897
7	Thái Hoàng Long	TV HĐQT độc lập	36.000.000
8	Nguyễn Việt Dũng	TV HĐQT độc lập	36.000.000
9	Trương Tuyển Minh	Trưởng BKS	49.375.000
	Tổng Cộng		3.080.367.363

4. Dự án đầu tư:

Dự án nuôi tôm: hình thức nuôi tôm thâm canh bán nhà kính và đang triển khai đầu tư giai đoạn 1 với diện tích 12 ha gồm 20 bồn, thể tích 900m³/bồn. Dự kiến bắt đầu thả nuôi vào tháng 05/2021. Với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ... %, không tán thành là ...%, không có ý kiến là ...%

Điều 4: Thông qua Tờ trình số 04/TTr-ĐHTN21/KHS ngày 24/04/2021 về việc Sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để nộp số tiền kê khai bổ sung Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2015-2019 (theo Thông báo số 1121/TB-CT, ngày 20/7/2020 của Cục thuế tỉnh Kiên Giang); Chi phí nghiên cứu phát triển của ban R&D năm 2019-2020.

Đại hội nhất trí thông qua việc sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để nộp số tiền kê khai bổ sung Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2015-2019 (theo Thông báo số 1121/TB-CT, ngày 20/7/2020 của Cục thuế tỉnh Kiên Giang) và Chi phí nghiên cứu phát triển của ban R&D năm 2019-2020.

Với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ... %, không tán thành là ...%, không có ý kiến là ...%

Điều 5: Thông qua Tờ trình số 05/TTr-ĐHTN21/KHS ngày 24/04/2021 kế hoạch kinh doanh, kế hoạch lợi nhuận-cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2021; kế hoạch thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và dự án đầu tư năm 2021:

Đại hội nhất trí thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021, phân phối lợi nhuận năm 2021, kế hoạch thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021, các dự án đầu tư năm 2021 như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ KH năm 2021 so với 2020	Thực hiện năm 2020 Cty mẹ	Kế hoạch 2021 Cty mẹ	Tỷ lệ KH năm 2021 so với 2020 công ty mẹ
Doanh thu thuần	1.183.844	1.302.228	110,00%	813.982	895.380	110,00%
Lợi nhuận gộp	98.877	108.765	110,00%	80.578	88.636	110,00%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.031	26.785	190,90%	24.350	26.785	110,00%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.031	26.785	190,90%	24.350	26.785	110,00%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	19.061	26.785	140,52%			
Tỷ lệ LNST /DT thuần	1,19%	2,06%	173,54%	2,99%	2,99%	100,00%

2. Kế hoạch lợi nhuận cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2021:

Phân phối lợi nhuận 2021	Tỷ lệ/ số tiền	Ghi chú
7. Cổ tức	12% - 20%	Chi trả trên Lợi nhuận sau thuế
8. Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS	360 triệu đồng	
9. Trích lập các quỹ:		
9.1 Quỹ khen thưởng phúc lợi	8% - 10%	Chi trả trên Lợi nhuận sau thuế
9.2 Quỹ cho hoạt động của Ban quản lý điều hành công ty	1%	Chi trả trên Lợi nhuận sau thuế
9.3 Quỹ đầu tư phát triển		Phần còn lại sau khi phân phối lợi nhuận cho các khoản mục trên.

Chia cổ tức năm 2021: Hình thức chia tiền mặt hoặc 50% bằng tiền mặt và 50% bằng cổ phiếu.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ, cách thức, cơ cấu và thời điểm chi trả cổ tức căn cứ trên kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2021.

3. Thù lao HĐQT, BKS năm 2021:

STT	Chức vụ	Thù lao(1.000 đ/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	6.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	3.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	3.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát (không kiêm nhiệm)	2.000
5	Thành viên Ban Kiểm soát (có kiêm nhiệm)	1.000

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ và thời điểm chi trả thù lao cho HĐQT và BKS.

4. Kế hoạch các dự án trong năm 2021:

Dự án nuôi tôm tiếp tục hoàn thành các hạng mục đầu tư phần cứng để đạt kế hoạch thả nuôi từ tháng 05/2021 và báo cáo hiệu quả sản xuất kinh doanh với ĐHĐCĐ vào Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ... %, không tán thành là ...%, không có ý kiến là ...%

Điều 6: Thông qua Tờ trình số 06/TTr-ĐHTN21/KHS ngày 24/04/2021 về việc lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021:

Đại hội nhất trí thông qua Công ty kiểm toán dự kiến lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty năm 2021: Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCS). Với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ... %, không tán thành là ...%, không có ý kiến là ...%

Điều 7: Thông qua tờ trình số 07/TTr-ĐHTN21/KHS ngày 24/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ủy quyền ký kết các hợp đồng.

Đại hội nhất trí thông qua Tờ trình 07/TTr-ĐHTN21/KHS ngày 24/04/2021 về chấp thuận việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và thông qua việc ký kết các hợp đồng, giao dịch mua, bán, vay, cho vay, L/C, bảo lãnh ngân hàng, thuê, cho thuê tài sản, và các hợp đồng khác có giá trị dưới 70% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; ngoại trừ hợp đồng và giao dịch được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp 2020.

Với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ... %, không tán thành là ...%, không có ý kiến là ...%

Điều 8: Thông qua tờ trình số 08/TTr-ĐHTN21/KHS ngày 24/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc Thông qua Điều lệ năm 2021, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua các tài liệu sau:

1. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kiên Hùng năm 2021.
2. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty năm 2021.
3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021.
4. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021.

Với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ... %, không tán thành là ...%, không có ý kiến là ...%

Điều 9: Thông qua tờ trình số 09/TTr-ĐHTN21/KHS ngày 24/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về Phương án xử lý đối với hai Chi nhánh Nhà máy Giục Tượng và Nhà máy Biển xanh.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua phương án đóng cửa hai Chi nhánh Nhà máy Giục Tượng và Nhà máy Biển Xanh. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc chọn thời điểm ra quyết định về việc đóng cửa các Chi nhánh và thực hiện các thủ tục liên quan.

Với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ... %, không tán thành là ...%, không có ý kiến là ...%

Điều 10: Thông qua tờ trình số 10/TTr-ĐHTN21/KHS ngày 24/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc dời trụ sở chính của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đồng chuyển đổi trụ sở chính của Công ty Cổ phần Kiên Hùng sang địa chỉ mới trong năm 2021 như sau:

Địa chỉ hiện tại: 14A ấp Tân Điền, xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ mới: Lô B4-B5 đường số 1, Khu Công nghiệp Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục liên quan.

Với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ... %, không tán thành là ...%, không có ý kiến là ...%

Điều 11: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ... %, không tán thành là ...%, không có ý kiến là ...% tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 được tổ chức vào ngày 24 tháng 04 năm 2021.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Kiên Hùng có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

TRẦN QUỐC HÙNG

Số : 247 /BCKT/TC/2021/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần Kiên Hùng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Kiên Hùng được lập ngày 22/02/2021 từ trang 08 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Kiên Hùng** tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngày 26 tháng 03 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Lê Đình Ái

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên

Lê Văn Thắng

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0974-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		266.840.215.457	342.172.458.378
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	28.675.872.577	20.110.524.746
1. Tiền	111		28.675.872.577	20.110.524.746
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.408.909.895	83.430.042.083
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	44.812.676.785	71.910.877.618
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	3.323.968.274	4.667.404.542
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	9.272.264.836	6.851.759.923
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	179.595.568.258	224.026.098.161
1. Hàng tồn kho	141		182.187.728.397	224.026.098.161
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.592.160.139)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.159.864.727	14.605.793.388
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09.a	778.411.602	1.487.582.062
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		381.453.125	13.118.211.326
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		254.439.972.472	284.618.399.514
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		198.406.124.699	208.615.495.286
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	183.067.414.273	195.005.227.918
- Nguyên giá	222		284.027.203.315	282.208.012.497
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.959.789.042)	(87.202.784.579)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	15.338.710.426	13.610.267.368
- Nguyên giá	228		16.255.663.439	14.412.460.377
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(916.953.013)	(802.193.009)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	848.236.850	5.240.047.102
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		848.236.850	5.240.047.102
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	38.053.448.069	53.831.650.128
1. Đầu tư vào công ty con	251		48.631.650.128	48.631.650.128
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.778.202.059)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.200.000.000	5.200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.132.162.854	16.931.206.998
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09.b	17.132.162.854	16.931.206.998
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		521.280.187.929	626.790.857.892

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		348.968.024.614	440.865.988.138
I. Nợ ngắn hạn	310		220.045.982.944	311.146.010.011
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	21.708.374.387	30.141.941.393
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		185.251.340	119.646.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	61.836.638	63.272.133
4. Phải trả người lao động	314		9.219.267.311	10.510.617.963
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	687.141.101	1.284.937.418
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	20.000.000	132.982.965
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.a	183.570.275.349	265.540.114.201
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.593.836.818	3.352.497.938
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		128.922.041.670	129.719.978.127
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.b	128.666.103.093	129.364.966.554
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		255.938.577	355.011.573
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		172.312.163.315	185.924.869.754
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	172.312.163.315	185.924.869.754
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		120.909.690.000	120.909.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.909.690.000	120.909.690.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.183.241.500	2.183.241.500
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.654.067.284	24.545.053.406
9. Quỹ dự hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp phòng tài chính	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		19.565.164.531	38.286.884.848
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.993.101.277	13.589.831.231
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		7.572.063.254	24.697.053.617
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		521.280.187.929	626.790.857.892

Lập, ngày 22 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Lam Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Tấn Đạt

Tổng Giám đốc

Trần Quốc Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	819.857.434.084	840.973.623.505
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	5.875.324.707	4.088.580.510
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		813.982.109.377	836.885.042.995
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	733.403.591.601	760.516.634.600
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80.578.517.776	76.368.408.395
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	1.933.488.148	1.390.983.231
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	41.843.407.894	16.760.485.671
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		24.142.991.413	15.580.139.114
8. Chi phí bán hàng	25	VI.08.a	13.121.580.930	14.933.019.288
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08.b	19.436.569.936	21.367.094.197
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.110.447.164	24.698.792.470
11. Thu nhập khác	31	VI.06	67.433.250	875.187
12. Chi phí khác	32	VI.07	605.817.160	2.614.040
13. Lợi nhuận khác	40		(538.383.910)	(1.738.853)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.572.063.254	24.697.053.617
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	99.072.996	99.072.996
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	(99.072.996)	(99.072.996)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.572.063.254	24.697.053.617

Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Lam Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Đạt

Lập ngày 22 tháng 02 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Quốc Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.572.063.254	24.697.053.617
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		15.697.299.529	12.542.536.576
- Các khoản dự phòng	03		19.370.362.198	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		614.348.593	588.051.233
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(408.269.911)	(36.160.938)
- Chi phí lãi vay	06		24.142.991.413	15.580.139.114
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		66.988.795.076	53.371.619.602
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		41.094.326.407	7.582.984.884
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		41.838.369.764	(75.711.885.420)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.366.264.011)	13.690.339.853
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		508.214.604	(15.312.031.672)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(24.265.114.797)	(15.580.139.114)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.658.054.195)	(173.377.743)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	32.400.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.881.852.120)	(2.772.513.784)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		109.258.420.728	(34.872.603.394)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		729.416.372	(89.451.451.208)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		538.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.000.000.000)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		418.460.543	36.160.938
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		686.058.733	(94.415.290.270)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		682.889.069.290	889.764.823.202
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(766.131.747.420)	(733.611.788.808)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.136.453.500)	(18.190.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(101.379.131.630)	137.963.034.394
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		8.565.347.831	8.675.140.730
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.110.524.746	11.435.384.016
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.	28.675.872.577	20.110.524.746

Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Lam Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Đạt

Lập ngày 22 tháng 02 năm 2021
Tổng Giám đốc




Trần Quốc Dũng

501172
ÔNG T
NHIỆM H
VỤ T
ĐINH K
KIỂM T
IA NAM
I.P.H.C

Số: 248 /BCKT/TC/2021/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Cổ đông Công ty, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kiên Hùng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kiên Hùng được lập ngày 22/02/2021 từ trang 08 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của **Công ty Cổ phần Kiên Hùng** tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



LÊ ĐÌNH ÁI

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên

LÊ VĂN THẮNG

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0974-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		331.980.127.588	412.864.694.544
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	31.125.878.336	20.426.594.511
1. Tiền	111		31.125.878.336	20.426.594.511
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71.215.324.795	99.184.155.673
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	57.568.757.085	86.764.892.408
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	3.632.204.074	4.702.404.542
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	10.014.363.636	7.716.858.723
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	220.733.765.102	269.420.512.665
1. Hàng tồn kho	141		223.325.925.241	269.420.512.665
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(2.592.160.139)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.905.159.355	23.833.431.695
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	1.560.430.520	2.521.568.356
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.344.728.835	21.311.863.339
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.12	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		339.114.527.580	365.498.902.090
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		310.170.662.077	332.784.913.500
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	285.317.911.886	309.384.605.911
- Nguyên giá	222		451.493.697.992	450.354.738.502
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(166.175.786.106)	(140.970.132.591)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	24.852.750.191	23.400.307.589
- Nguyên giá	228		27.460.093.338	25.616.890.276
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.607.343.147)	(2.216.582.687)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	848.236.850	5.240.047.102
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		848.236.850	5.240.047.102
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	6.200.000.000	5.200.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.200.000.000	5.200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		21.895.628.653	22.273.941.488
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	21.895.628.653	22.273.941.488
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		671.094.655.168	778.363.596.634

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		468.231.498.402	568.346.432.203
I. Nợ ngắn hạn	310		321.322.027.427	409.189.300.044
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	57.101.664.217	66.783.204.598
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		185.251.340	241.746.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	173.928.090	184.878.889
4. Phải trả người lao động	314		13.707.744.468	14.596.349.253
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	797.809.141	1.776.403.800
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	79.268.004	174.259.965
10. Vay và nợ tài chính ngắn hạn	320	V.15	244.682.525.349	322.079.959.601
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.593.836.818	3.352.497.938
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		146.909.470.975	159.157.132.159
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	146.653.532.398	158.802.120.586
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		255.938.577	355.011.573
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		202.863.156.766	210.017.164.431
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	202.863.156.766	210.017.164.431
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		120.909.690.000	120.909.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.909.690.000	120.909.690.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.183.241.500	2.183.241.500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu ngân quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.654.067.284	24.545.053.406
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.498.414.303	26.730.996.134
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		437.212.563	437.212.563
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.061.201.740	26.293.783.571
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		30.617.743.679	35.648.183.391
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		671.094.655.168	778.363.596.634

Ghi chú: số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Lam Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Đạt

Lập, ngày 22 tháng 02 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Quốc Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.191.912.262.545	1.133.680.500.992
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	8.068.618.707	4.088.580.510
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.183.843.643.838	1.129.591.920.482
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	1.084.967.024.330	1.023.186.635.739
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		98.876.619.508	106.405.284.743
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	3.579.852.786	2.341.390.560
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	30.884.655.861	23.704.507.732
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		29.312.361.164	22.099.902.740
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.06	29.039.884.656	28.701.270.064
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	27.218.889.322	28.522.361.830
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.313.042.455	27.818.535.677
12. Thu nhập khác	31	VI.07	67.433.250	21.875.186
13. Chi phí khác	32	VI.08	1.349.713.677	12.514.199
14. Lợi nhuận khác	40		(1.282.280.427)	9.360.987
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.030.762.028	27.827.896.664
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	99.072.996	99.072.996
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	(99.072.996)	(99.072.996)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.030.762.028	27.827.896.664
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		19.061.201.740	26.293.783.571
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(5.030.439.712)	1.534.113.093
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	1.419	2.064
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	1.419	2.064

Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Lam Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Đạt

Lập, ngày 22 tháng 02 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Quốc Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.030.762.028	27.827.896.664
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		28.315.338.888	25.113.751.251
- Các khoản dự phòng	03		2.592.160.139	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		683.946.344	779.585.173
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(267.033.863)	(36.633.679)
- Chi phí lãi vay	06		29.312.361.164	22.099.902.740
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		74.667.534.700	75.784.502.149
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		45.198.984.750	7.314.655.165
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		46.094.587.424	(83.729.210.959)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(12.582.682.439)	25.763.526.864
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.339.450.671	(15.401.586.888)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(29.477.472.370)	(22.124.946.786)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.658.054.195)	(173.377.743)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			32.400.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.881.852.120)	(2.772.513.784)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		118.700.496.421	(15.306.551.982)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(128.635.810)	(91.256.653.908)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.029.090.909	5.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.000.000.000)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		419.209.063	37.117.022
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		319.664.162	(96.214.445.977)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.028.438.070.730	1.279.019.944.982
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.118.621.863.287)	(1.141.736.971.088)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.136.453.500)	(18.190.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(108.320.246.057)	119.092.973.894
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10.699.914.526	7.571.975.935
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.426.594.511	12.857.266.516
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(630.701)	(2.647.940)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII	31.125.878.336	20.426.594.511

Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Lam Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Đạt



Lập ngày 22 tháng 02 năm 2021

Tổng Giám đốc

Trần Quốc Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC



DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

KIEN HUNG JOINT STOCK COMPANY VN

THÁNG 05 NĂM 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	15
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	19
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22

VII.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
	Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	22
	Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	23
	Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	24
	Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	25
	Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	25
	Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	26
	Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	27
	Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty	28
VIII.	TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	28
	Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	28
	Điều 33. Người điều hành Công ty	28
	Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc:	29
IX.	BAN KIỂM SOÁT:	30
	Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	30
	Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát	30
	Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát	30
	Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	31
	Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát	31
	Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	32
X.	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	32
	Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	32
	Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	33
XI.	QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	33
	Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	33
XII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	34
	Điều 44. Công nhân viên và công đoàn	34
XIII.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	34
	Điều 45. Phân phối lợi nhuận	34
XIV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	35
	Điều 46. Tài khoản ngân hàng	35
	Điều 47. Năm tài chính	35

Điều 48. Chế độ kế toán	35
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	36
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	36
Điều 50. Báo cáo thường niên	36
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	36
Điều 51. Kiểm toán	36
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	36
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp	36
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	36
Điều 53. Giải thể công ty	36
Điều 54. Gia hạn hoạt động.....	37
Điều 55. Thanh lý	37
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	37
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	37
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	38
Điều 57. Điều lệ công ty.....	38
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	38
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	38

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/21/NQ-ĐHĐCĐ/KHS ngày 24 tháng 04 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KIEN HUNG JOINT STOCK COMPANY VN
- Tên Công ty viết tắt: KIHUSEA VN

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B4 – B5 đường số 1, Khu Công Nghiệp Thanh Lộc, xã Thanh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại: (0297) 3 838 009
- Fax: (0297) 3 838 009
- E-mail: info@kihuseavn.com
- Website: www.kihuseavn.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 58 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật, bao gồm: Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- Bán buôn thực phẩm - Chi tiết: Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau quả; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác.
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá - Chi tiết: Sản xuất nước đá.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống – Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.
- Nhập khẩu: máy móc, thiết bị, vật tư, chất phụ gia, hóa chất: Hydrogen Peroxide, chlorine phục vụ cho chế biến thủy sản.
- Nuôi trồng thủy sản biển.
- Nuôi trồng thủy sản nước lợ.
- Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.
- Sản xuất giống thủy sản.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Chế biến và bảo quản rau quả - Chi tiết: sản xuất nước ép từ rau quả, chế biến và bảo quản rau quả khác.

Các ngành nghề kinh doanh khác mà Pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Huy động và sử dụng các nguồn lực để tổ chức sản xuất có hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông;
- Hoàn thành mọi nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, góp phần xây dựng, phát triển đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 120.909.690.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ chín trăm linh chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 12.090.969 cổ phần (Bằng chữ: Mười hai triệu không trăm chín mươi nghìn chín trăm sáu mươi chín cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần (Mười nghìn đồng một cổ phần).
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ

đồng làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết [bằng phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng

không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; [Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; [trường hợp công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán];
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày]

trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được

người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 (bảy) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp cần thiết khác vì lợi ích của công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời

gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác trực tiếp đến các Thành viên Hội đồng quản trị còn lại và có thể nhận ngay trong cuộc họp.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm

Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc:

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT:**Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của

mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm được cấp.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Kiên Hùng nhất trí thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2021 tại Kiên Giang và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TRẦN QUỐC DŨNG

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Họ, tên	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng cổ phần	Chiếm % VĐL	Chữ ký
1	Trần Quốc Dũng	198 Lâm Quang Ky, Phường Vĩnh Bảo, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	Việt Nam	3.012.082	24,91%	
2	Lâm Thị Hương Mai	198 Lâm Quang Ky, Phường Vĩnh Bảo, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	Việt Nam	1.623.558	13,43%	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC



DỰ THẢO

QUY CHẾ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

KIEN HUNG JOINT STOCK COMPANY VN

THÁNG 04 NĂM 2021

Kiên Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

DỰ THẢO

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kiên Hùng

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/21/NQ-ĐHĐCĐ/KHS ngày 24 tháng 04 năm 2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Kiên Hùng

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Kiên Hùng bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định

mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây và được quy định chi tiết tại Điều Lệ công ty từ Điều 18 đến Điều 21:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị.

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

h) Điều kiện tiến hành;

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

k) Cách thức bỏ phiếu;

l) Cách thức kiểm phiếu;

m) Điều kiện để nghị quyết được thông qua;

n) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;

Ngoại trừ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh Nghiệp không được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, các trường hợp còn lại thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông đều có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

- Lập Danh sách cổ đông có quyền tham gia lấy ý kiến biểu quyết;

- Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền nhận phiếu ý kiến bằng văn bản;

- Gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết:

a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Hội đồng quản trị.

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

d) Điều kiện tiến hành;

đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;

g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;

h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết):

a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Điều kiện tiến hành;

đ) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

e) Cách thức bỏ phiếu;

g) Cách thức kiểm phiếu;

h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của

pháp luật và Điều lệ công ty.

Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 (bảy) người.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành

viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp cần thiết khác vì lợi ích của công ty.

Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa

vụ sau:

Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát :

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả

kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc

thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS

Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS

Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;

Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty.

Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT

Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm soát nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;

Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì BKS phải gửi văn bản

và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc

Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.

HĐQT quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Các thông tin và tài liệu bao gồm:

Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;

Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;

Báo cáo của Tổng giám đốc;

Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;

Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;

Tài liệu khác liên quan.

Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;

Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến trước khi ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Tổng giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm

chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi ít nhất là 7 ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Phối hợp giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.

Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả;

Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc; và các người điều hành doanh nghiệp khác;

Đối với các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác mà Hội đồng quản trị nhận định rằng đã có thành tích xuất sắc trong định hướng chiến lược và tổ chức thực hiện, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty sẽ được xem xét khen thưởng hàng năm. Khoản khen thưởng này được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi.

Đối với thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị xét đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát để quyết định khen thưởng phù hợp.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Kiên Hùng bao gồm 7 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 04 năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRẦN QUỐC HÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC



DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

KIEN HUNG JOINT STOCK COMPANY VN

THÁNG 04 NĂM 2021

DỰ THẢO

Kiên Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kiên Hùng

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/21/NQ-ĐHĐCĐ/KHS ngày 24 tháng 04 năm 2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kiên Hùng.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kiên Hùng bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 07 (bảy) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số

các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác] và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành

thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kiên Hùng bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN QUỐC HÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC



DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

KIEN HUNG JOINT STOCK COMPANY VN

THÁNG 04 NĂM 2021

DỰ THẢO

Kiên Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kiên Hùng

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/21/NQ-ĐHĐCĐ/KHS ngày 24 tháng 04 năm 2021.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kiên Hùng

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kiên Hùng bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

- 1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- 2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Kiên Hùng bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày..tháng..năm...

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Công Ty Cổ Phần Kiên Hùng
14A ấp Tân Điền, xã Giục Tượng,
Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang



ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

THẺ BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông:

Số cổ phần nắm giữ: